

NILO® 48

Đặc điểm chính

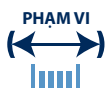
Hệ số giãn nở nhiệt được thiết kế để phù hợp với thủy tinh chì mềm và soda vôi.

Điểm biến đổi cao.

QUAN TRỌNG

Chúng tôi sẽ sản xuất theo thuộc tính cơ học quý khách yêu cầu

Lợi thế chính cho khách hàng của chúng tôi



0,025mm đến 21mm
(0,001" đến 0,827")



Số lượng đặt hàng
từ 3m đến 3t
(10 ft đến 6000 Lbs)



Giao hàng trong
vòng 3 tuần



Thép theo thông
số kỹ thuật của quý
khách



Có dịch vụ E.M.S



Hỗ trợ kỹ thuật

NILO® 48 có sẵn:

- Thép tròn
- Thép thanh hoặc thép dài
- Thép dẹt
- Thép hình
- Dây/bó thép

Bao bì đóng gói

- Thép cuộn
- Ống cuộn
- Thép thanh hoặc thép dài



*Tên thương mại của Special Metals Group of Companies

Nilo[®] 48 còn được gọi là Invar 48, Magnifer 50.

Thành phần hóa học			Thông số kỹ thuật	Ký hiệu	Đặc điểm chính	Ứng dụng điển hình
Thành phần	% tối thiểu	% tối đa	ASTM F30	W.NR 1.3922 W.NR 1.3926 W.NR 1.3927 UNS K94800 AWS 092	Hệ số giãn nở nhiệt được thiết kế để phù hợp với thủy tinh chì mềm và soda vôi. Điểm biến đổi cao	Bộ điều nhiệt công nghiệp hoạt động ở nhiệt độ lên đến 450°C (840°F). Dầu bịt kín thủy tinh đến kim loại
Ni	48.00 nominal					
Fe	bal					
Mn	–	0.80				
Si	–	0.30				
C	–	0.05				
Cr	–	0.25				
P	–	0.025				
S	–	0.03				
Al	–	0.10				

Khối lượng riêng	8.2 g/cm ³	0.296 lb/in ³
Điểm nóng chảy	1450°C	2640°F
Điểm biến đổi	460°C	860°F
Khả năng dẫn nhiệt	16.7 W/m•°C	116 btu•in/ft ² •h•°F
Hệ số giãn nở	8.5 µm/m °C (20 – 100°C) 8.3 – 9.3 µm/m °C (20 – 300°C)	4.7 x 10 ⁻⁶ in/in °F (70 – 212°F) 4.6 – 5.2 x 10 ⁻⁶ in/in °F (70 – 572°F)

Xử lý nhiệt các bộ phận thành phẩm

Các hợp kim Nilo thường được cung cấp và sử dụng trong điều kiện ủ (quá trình xử lý nguội để làm biến dạng các hệ số giãn nở nhiệt).
Thời gian ủ có thể thay đổi theo độ dày mặt cắt ngang.

Loại	Nhiệt độ		Thời gian (giờ)	Làm mát
	°C	°F		
Ủ	850 – 1000	1560 – 1830	0.5	Không khí hoặc nước

Thuộc tính

Điều kiện	Độ bền kéo tương đối		Nhiệt độ vận hành tương đối	
	N/mm ²	ksi	°C	°F
Ủ	450 – 550	65 – 80	tối đa +450	tối đa +840
Kéo cứng	700 – 900	102 – 131	tối đa +450	tối đa +840

Phạm vi độ bền kéo trên là giá trị điển hình. Hãy yêu cầu nếu có nhu cầu khác.